

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND

Cần Đước, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Allied Joy Enterprises Việt Nam tại Văn bản số 005-2023/AJ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, chế tạo mũi khoét lỗ, lưỡi cưa pittông, mũi khoan và các dụng cụ cắt gọt ngũ kim khác, công suất 700 tấn sản phẩm/năm” tại hồ sơ số H39.21-240201-0075/TNHS; Văn bản số 016-2024/AJ ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Công ty về việc chỉnh sửa và đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Công ty TNHH Allied Joy Enterprises Việt Nam”;

Theo Đề nghị số 777/ĐN-TNMT ngày 02/02/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Allied Joy Enterprises Việt Nam; địa chỉ trụ sở chính tại Lô E6, đường D2, Khu công nghiệp Cầu Tràm, ấp Cầu Tràm, xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất, chế tạo mũi khoét lỗ, lưỡi cưa pittông, mũi khoan và các dụng cụ cắt gọt ngũ kim khác, công suất 700 tấn sản phẩm/năm”; địa điểm tại Lô E6, đường D2, Khu công nghiệp Cầu Tràm, ấp Cầu Tràm, xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất, chế tạo mũi khoét lỗ, lưỡi cưa pittông, mũi khoan và các dụng cụ cắt gọt ngũ kim khác, công suất 700 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô E6, đường D2, Khu công nghiệp Cầu Tràm, ấp Cầu Tràm, xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành

viên với mã số doanh nghiệp là 1102039706 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An đăng ký lần đầu ngày 25/09/2023.

1.4. Mã số thuế:.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, chế tạo mũi khoét lỗ, lưới cửa pittông, mũi khoan và các dụng cụ cắt gọt ngũ kim khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Lô E6, đường D2, Khu công nghiệp Cầu Tràm, ấp Cầu Tràm, xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (Thửa đất số 2240, tờ bản đồ số 07, Khu công nghiệp Cầu Tràm, ấp Cầu Tràm, xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An; tổng diện tích đất là 6.000 m²).

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu (*đai thép, tấm thép tròn*) → Uốn thẳng → Gia công tạo hình → Định hình bằng nhiệt → Hàn nắp đáy với lưới khoét → Hàn răng → Mài răng → Làm sạch bề mặt → Sơn tĩnh điện → Sấy → In logo → đóng gói và lưu kho.

- Công suất: 700 tấn sản phẩm/năm.

- Nguyên liệu và hoá chất sử dụng: Nắp đáy, đai thép, răng của lưới khoét, sơn tĩnh điện, mực in, bao bì, que hàn, kem hàn 285, đá mài, bi thép, dầu gia công, lọ khí Argon, dầu thủy lực, nhớt...

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Allied Joy Enterprises Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Allied Joy Enterprises Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung

không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng 02 năm 2024 đến hết ngày tháng 02 năm 2034. Giấy phép môi trường hết hiệu lực trước thời hạn trong trường hợp Công ty TNHH Allied Joy Enterprises Việt Nam và Công ty TNHH Công nghiệp chính xác AQM không gia hạn thời gian thuê xưởng để tiếp tục thực hiện dự án.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất, chế tạo mũi khoét lỗ, lưỡi cưa pittông, mũi khoan và các dụng cụ cắt gọt ngũ kim khác, công suất 700 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Allied Joy Enterprises Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Q. CT, PCT UBND huyện;
- CVP, PCVP;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- CVKT;
- UBND xã Long Trạch;
- BQL KCN Cầu Tràm;
- Công ty TNHH Allied Joy Enterprises Việt Nam;
- Cổng Thông tin điện tử của huyện;
- Lưu: VT.TNMT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**

Đào Hữu Tấn

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày /02/2024 của UBND huyện Cần Đước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cầu Tràm, không xả ra môi trường).

- Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty CP TM DV XD và xuất nhập khẩu Trung Thành (Chủ đầu tư hạ tầng và là đơn vị vận hành HTXL nước thải tập trung khu công nghiệp Cầu Tràm) tại Hợp đồng số 07/HĐCCNS/2023 ngày 01/11/2023.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải; tiêu chuẩn đầu nối; quan trắc nước thải định kỳ; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa:

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom bằng các máng xối, dẫn bằng ống nhựa PVC xuống mặt đất và chảy tràn vào các hố ga thu gom nước mưa. Các hố ga nước mưa nối nhau bằng các đoạn ống BTCT D300-400mm với hướng dốc từ các khu nhà xưởng ra xung quanh và đổ ra công thoát nước mưa chung ngoài đường giao thông D2 của KCN Cầu Tràm. Toàn bộ lượng nước mưa được thu gom theo hệ thống thoát nước mưa nội bộ quanh nhà xưởng và đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa chung của KCN Cầu Tràm theo phương thức tự chảy tại 01 vị trí đầu nối nước mưa của Công ty nằm trên đường nội bộ D2 của KCN Cầu Tràm, cụ thể:

+ Tọa độ vị trí: $X=1175813,416$ và $Y_1=592019,770$;

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

1.2. Mạng lưới thu gom, xử lý nước thải:**1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh của 40 công nhân được thu gom và xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 3 ngăn.(tổng dung tích $21 m^3$)

- Nước thải sản xuất không phát sinh.

- Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ được thu gom đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Cầu Tràm xử lý với lưu lượng tối đa khoảng 3,2 m³/ngày đêm. Lượng nước thải đầu nối được dẫn ra bằng đường ống nhựa PVC D114mm, chảy ra hố ga đầu nối nước thải của KCN Cầu Tràm tại 01 vị trí nằm trên trục đường Nội bộ D2 của KCN với toạ độ X=1175816,489 và Y=592019,761 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°); sau đó dẫn về HTXL nước thải tập trung của KCN Cầu Tràm để xử lý bảo đảm đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại:

+ Số lượng 03 bể.

+ Tổng dung tích 21 m³.

1.3. Tiêu chuẩn đầu nối: Chất lượng nước thải sau HTXL nước thải cục bộ tại Nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy định đầu nối nước thải của KCN Cầu Tràm, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Kiến Thành (tương đương với QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)
1	pH	--	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50
3	COD	mg/L	150
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10
6	Tổng nitơ	mg/L	40
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	6
8	Amoni (tính theo N)	mg/L	10

1.4. Quan trắc nước thải định kỳ; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Quan trắc nước thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại và hệ thống thu gom, xử lý nước thải; thực hiện nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải định kỳ.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố từ HTXL nước thải cục bộ được thực hiện nghiêm túc với các biện pháp đảm bảo an toàn như sau:

+ Các bể xử lý nước thải được thiết kế với thể tích lớn, trường hợp HTXL nước thải cục bộ có sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa trong các bể xử lý trong thời gian khắc phục sự cố, cam kết không thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt quy định đầu nổi; đồng thời, ngưng hoạt động nếu HTXL nước thải cục bộ không có khả năng xử lý nước thải. Trong thời gian khắc phục sự cố liên quan đến HTXL nước thải cục bộ, Nhà máy chỉ hoạt động sản xuất các khâu không phát sinh nước thải, các hoạt động sản xuất phát sinh nước thải lớn cần ngừng hoạt động đến khi hoàn thành công tác khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo lưu lượng nước thải về HTXL nước thải cục bộ không vượt quá thời gian lưu nước của hệ thống.

+ Đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến HTXL nước thải cục bộ. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng nước thải đầu ra sau HTXL nước thải cục bộ mới tiến hành sản xuất bình thường.

+ Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của HTXL nước thải cục bộ. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

+ Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng HTXL nước thải cục bộ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư; bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng KCN Cầu Tràm; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả của hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Chủ dự án đầu tư.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày /02/2024 của UBND huyện Cần Đước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy hàn tại công đoạn hàn nắp.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy hàn tại công đoạn hàn răng.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ 04 máy mài.
- Nguồn số 04: Khí thải phát từ máy phun bi.
- Nguồn số 05: Bụi thải phát sinh từ phòng sơn tĩnh điện.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng nguồn số 01; tọa độ xả khí thải: $X_1=1175888,417$ và $Y_1=5917751,228$.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng nguồn số 02; tọa độ xả khí thải: $X_2=1175909,826$ và $Y_2=591714,696$.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng nguồn số 03; tọa độ xả khí thải: $X_3=1175897,635$ và $Y_3=591751,203$.
- Dòng khí thải số 04: Tương ứng nguồn số 04; tọa độ xả khí thải: $X_4=1175894,497$ và $Y_4=591726,895$.
- Dòng khí thải số 05: Tương ứng nguồn số 05; tọa độ xả khí thải: $X_5=1175903,722$ và $Y_5=591729,910$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3^0)

- Các thiết bị xử lý cục bộ đồng bộ theo máy, khí thải sau khi xử lý thoát ra môi trường qua các khe hở trên thiết bị nên không lắp đặt ống phát thải.
- Vị trí xả khí thải của các thiết bị xử lý khí thải nằm trong khuôn viên dự án đầu tư tại địa điểm: Thửa đất số 2240, tờ bản đồ số 07, KCN Cầu Tràm, xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả thải khí thải lớn nhất $3.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả thải khí thải lớn nhất $1.600 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả thải khí thải lớn nhất $12.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả thải khí thải lớn nhất $9.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả thải khí thải lớn nhất $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua các khe hở trên thiết bị, xả liên tục theo thời gian hoạt động dự án.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $K_p=0,9$ và $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $K_p=0,9$ và $K_v=1,0$)
I	Dòng khí thải số 01, 02:		
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180
3	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	450
4	Nitơ oxit (NO _x , tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765
5	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	900
II	Dòng khí thải số 03, 04, 05:		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180

2.2.3. Quan trắc nước thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.1. Hệ thống thu gom khí thải, công trình, thiết bị xử lý khí thải:

Thiết bị xử lý cục bộ đồng bộ theo máy.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng các HTXL bụi, khí thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các HTXL bụi, khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho HTXL như quạt hút.

+ Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát các HTXL khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố.

+ Ngưng hoạt động nếu các HTXL khí thải không có khả năng xử lý bụi, khí thải bảo đảm đạt quy chuẩn môi trường cho phép. Trong trường hợp này, Nhà máy phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tạm ngừng sản xuất các dây chuyền phát sinh bụi,

khí thải; đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến HTXL khí thải; sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng khí thải đầu ra sau HTXL bụi, khí thải mới tiến hành sản xuất bình thường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải của chủ dự án đầu tư.

- Thực hiện vận hành hệ thống xử lý khí thải đảm bảo chất lượng khí thải ra ngoài môi trường đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (*QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p=0,9$ và $K_v=1,0$*).

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án đầu tư phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh bụi, khí thải khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đã khắc phục xong. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày /02/2024 của UBND huyện Cần Đức)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực cắt.
- Nguồn số 02: Khu vực hàn 1.
- Nguồn số 03: Khu vực hàn 2.
- Nguồn số 04: Khu vực mài.
- Nguồn số 05: Khu vực làm sạch bề mặt.
- Nguồn số 06: Khu vực sơn tĩnh điện và sấy sau sơn.
- Nguồn số 07: Khu vực bố trí thiết bị xử lý khí thải từ công đoạn hàn nắp.
- Nguồn số 08: Khu vực bố trí thiết bị xử lý khí thải từ công đoạn hàn răng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01 có tọa độ: $X_1=1175925,362$ và $Y_1=591778,483$.
- Nguồn số 02 có tọa độ: $X_2=1175906,910$ và $Y_2=591772,454$.
- Nguồn số 03 có tọa độ: $X_3=1175925,230$ và $Y_3=591729,852$.
- Nguồn số 04 có tọa độ: $X_4=1175897,635$ và $Y_4=591751,203$.
- Nguồn số 05 có tọa độ: $X_5=1175894,497$ và $Y_5=591726,895$.
- Nguồn số 06 có tọa độ: $X_6=1175903,722$ và $Y_6=591729,910$.
- Nguồn số 07 có tọa độ: $X_7=1175888,417$ và $Y_7=591751,228$.
- Nguồn số 08 có tọa độ: $X_8=1175909,826$ và $Y_8=591714,696$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm sát ngoài hàng rào Công ty)

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường (Tất cả các điểm sát ngoài hàng rào Công ty)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày /02/2024 của UBND huyện Cần Đước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Thành phần chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất	Rắn	12	18 02 01
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	45	17 02 03
3	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	80	07 03 05
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	209,85	18 01 03
5	Bao bì kim loại cứng	Rắn	80	18 01 03
6	Pin, ắc quy, chì thải	Rắn	10	19 06 01
7	Phôi từ quá trình gia công tạo hình có dính thành phần nguy hại	Rắn	1.894,74	07 03 11
8	Xi hàn, đầu mẫu que hàn, kem hàn thải	Rắn	0,7	07 04 02
	Tổng cộng:		2.332	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án với khối lượng ước tính khoảng 22.494,59 tấn/năm bao gồm: bao bì; kim loại thải (bụi kim loại, vụn kim loại thải,...), giấy vụn văn phòng, bì thép thải....

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt tại dự án với khối lượng ước tính khoảng 6.000 kg/năm chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (*rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...*), chất thải vô cơ (*bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...*).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng nhựa dẻo (*có nắp đậy*), có dán nhãn mã

số CTNH và các bao PP chống thấm.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích 8,4m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: kết cấu tường, nền bê-tông, có mái che. Xung quanh kho chứa chất thải nguy hại có gờ cao 10cm. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thu và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng được làm bằng nhựa dẻo (có nắp đậy) và các bao PP.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

Diện tích 7,2m².

Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Tường bằng bê tông, nền BTCT, có mái che, có gắn biển dấu hiệu.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng rác có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực tập kết: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 1,20m², có mái che, có gắn biển dấu hiệu.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày /02/2024 của UBND huyện Cần Đước)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

7. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

10. **Chậm nhất là 10 ngày** sau khi được cấp đổi giấy phép môi trường, chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.

11. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12), báo cáo gửi về trước ngày 15/01 của năm tiếp theo theo Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.